

## B. DẠNG TỔNG HỢP

### BÀI THỰC HÀNH 01. BÀI TẬP TỔNG HỢP

- Nhập và định dạng bảng tính sau:

	A	B	C	D	E	F	G	H	I
2	Mã hàng	Số lượng	Ngày bán	Loại	Đơn giá	Giá bì	Thành tiền	Thực thu	Quà KM
3	B2-01	45	10/07/2020						
4	B1-02	300	13/07/2020						
5	S2-03	230	19/07/2020						
6	SK-04	25	18/07/2020						
7	MK-05	80	20/07/2020						
8	S3-06	200	15/07/2020						
9	M1-07	190	21/07/2020						
10	M2-08	75	23/07/2020						
11									
12	BẢNG 1: LOẠI & ĐƠN GIÁ SỔ TAY				BẢNG 2: GIÁ BÌ				
13	Ký tự đầu	Loại	Đơn giá (đ)		Loại bì	1	2	3	
14	S	Nhỏ	35.000		Giá bì	8.000	6.500	5.500	
15	M	Trung	45.000						
16	B	Lớn	60.000		BẢNG 3: THỐNG KÊ THEO LOẠI SỔ TAY				
17					Loại sổ tay	Nhỏ	Trung	Lớn	
18					Tổng thu	?	?	?	

- Lập công thức điền dữ liệu cho các cột trống còn lại, với các yêu cầu sau
- Cột Loại: Dựa vào ký tự đầu cột Mã hàng và tra cứu Bảng 1
  - Cột Đơn giá: Dựa vào ký tự đầu cột Mã hàng và tra cứu Bảng 1
  - Cột Giá bì: Nếu ký tự thứ 2 cột Mã hàng là “K” thì Giá bì là 0, còn lại căn cứ vào ký tự thứ 2 của Mã hàng (định dạng kiểu số) và tra cứu Bảng 2  
Gợi ý:  $IF(MID(A2;2;1) = "K"; 0; HLOOKUP(??; ?; ?))$
  - Cột Thành tiền = (Đơn giá + Giá bì) \* Số lượng.
  - Cột Thực thu:  
Nếu Số lượng  $\geq 100$  hay Ngày bán sau ngày 20/07 thì tính  $90\% * \text{Thành tiền}$   
Còn lại được tính đúng Thành tiền
  - Cột Quà KM: đánh dấu “X” cho mã hàng có Thực thu là lớn nhất, ngược lại gán giá trị rỗng
  - Hoàn thành Bảng 3: Bảng thống kê theo loại sổ tay
  - Sử dụng tính năng Quick Analysis để phân tích dữ liệu trực quan.
  - Dùng chức năng PivotTable: Lập Bảng thống kê Tổng số lượng hàng bán theo ngày (chọn *INSERT* → *Group Table* → *PivotTable*)

## BÀI THỰC HÀNH 02. BÀI TẬP TỔNG HỢP

**Bài 2.1.** Nhập và định dạng bảng tính sau:

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K
1	<b>BẢNG TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU</b>										
2	<b>STT</b>	<b>Mã hàng</b>	<b>Tên hàng</b>	<b>Hãng SX</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Thuế</b>	<b>Thành tiền</b>			
3	01	N04TCA				3.800					
4	02	N06MO				5.000					
5	03	N89SH				4.500					
6	04	D00BP				2.500					
7	05	D01ES				3.600					
8	06	D00TN				2.400					
9	07	X92BP				2.600					
10											
11	<b>Bảng 1</b>					<b>BẢNG 2</b>			<b>BẢNG THỐNG KÊ</b>		
12	<b>Mã hàng</b>	<b>Tên hàng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thuế suất</b>		<b>Mã hãng SX</b>	<b>Tên hãng SX</b>		<b>Tên hàng</b>	<b>Dầu (British Petro)</b>	<b>Dầu (Esso)</b>
13	X	Xăng	16.000	3,00%		BP	British Petro		<b>Tổng Số lượng</b>		
14	D	Dầu	10.800	3,50%		ES	Esso		<b>Tổng tiền</b>		
15	N	Nhớt	9.000	2,00%		SH	Shell				
16						CA	Castrol				
17						MO	Mobil				

- Lập công thức điền dữ liệu cho các cột trống còn lại, với các yêu cầu sau:

- Dựa vào 1 ký tự đầu của Mã hàng và Bảng 1 để điền vào cột Tên Hàng
- Dựa vào 2 ký tự cuối của Mã hàng và Bảng 2 để điền vào cột Hãng SX, Trong đó, nếu 2 ký tự cuối của Mã hàng là "TN" thì Hãng SX là “Trong nước”  
*Gợi ý: IF(RIGHT(B3;2)="TN";"Trong nước";VLOOKUP(??;?;?))*
- Cột Đơn giá tra cứu trong Bảng 1
- Cột Thuế: Đối với hàng là “Trong nước” được miễn thuế, còn lại thuế được tra trong Bảng 1
- Thành tiền = Đơn giá \* Số lượng \* Thuế. Nếu Tên hàng là Nhớt thì giảm 5% của Thành tiền còn lại không giảm
- Tính Tổng số lượng và Tổng tiền cho Bảng thống kê  
*Gợi ý: Sử dụng hàm SUMIFS*  
*Cú pháp: SUMIFS(vùng tính tổng, vùng điều kiện 1, điều kiện 1, vùng điều kiện 2, điều kiện 2,...)*
- Vẽ đồ thị % thể hiện sự khác nhau của Tổng SL các loại Dầu đã bán ở Bảng thống kê
- Lọc ra danh sách các Tên hàng là Nhớt và số lượng <5000

**Bài 2.2.** Nhập và định dạng bảng tính sau:

**Bảng 1: BÁO CÁO DOANH THU QUÍ 1/2019**

MÃ SỐ	TÊN HÀNG	NGÀY BÁN	LOẠI	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (x 1000đ)	DOANH THU
01-C1		07/1/2019		180		
02-P2		08/2/2019		90		
03-M3		09/2/2019		250		
04-K1		08/1/2019		350		
05-K3		18//2/2019		400		
06-P2		24/1/2019		83		
07-C1		20/3/2019		205		

**Bảng 2 - ĐƠN GIÁ (ngàn đồng)**

MÃ	C	K	M	B	P
TÊN HÀNG	Máy cưa	Máy khoan	Máy mài	Máy bào	Máy phay
ĐƠN GIÁ	350	690	250	520	320

- Lập công thức điền dữ liệu cho các cột trống còn lại, với các yêu cầu sau:

1. Tên Hàng: dựa vào ký tự thứ 4 của Mã số và dò tìm trong Bảng 2.
2. Loại: nếu ký tự cuối cùng của Mã số là 1 là “Loại 1”, 2 là “Loại 2” và 3 là “Loại 3”.
3. Đơn giá: nếu là loại 1 lấy trong Bảng 2, loại 2 giảm 2%, loại 3 giảm 5%.
4. Doanh thu = Số Lượng \* Đơn Giá. Nếu số lượng lớn hơn 200 hoặc ngày bán 08/2/2019 thì giảm 10% trên doanh thu.
5. Sắp xếp Bảng 1 theo thứ tự tăng dần của cột Tên hàng, nếu trùng Tên hàng thì giảm dần theo cột Doanh thu.
6. Hoàn thành Bảng thống kê:

MÃ	TỔNG SỐ LƯỢNG BÁN	TỔNG DOANH THU
C		
K		
M		
B		
P		

**Bài 2.3.** Nhập và định dạng bảng tính sau:

	A	B	C	D	E
1	<b>Mã NV</b>	<b>Phòng ban</b>	<b>Giới tính</b>	<b>Thời gian công tác</b>	<b>Hệ số lương</b>
2	08DT1				
3	10HC0				
4	12VT1				
5	09HC1				
6	11VT0				
7	15DT0				
8					
9	<b>Bảng 1</b>				
10	<b>Thời gian công tác</b>	6	9	12	15
11	<b>Hệ số lương</b>	1	1,25	1,5	2
12	<b>Số lượng nhân viên</b>	Đào tạo	Hành chính	Văn thư	
13		?	?	?	

- Lập công thức điền dữ liệu cho các cột trống còn lại, với các yêu cầu sau:

- Giới tính căn cứ vào ký tự cuối của Mã NV. Nếu ký tự cuối của Mã NV là 0 thì Giới tính được hiểu là Nữ. Còn 1 thì được hiểu là Nam
- Phòng ban căn cứ vào ký tự 3 và 4 của Mã NV. Trong đó:
  - Nếu ký tự 3 và 4 của Mã NV là HC thì Phòng ban được hiểu là Hành Chính
  - Nếu ký tự 3 và 4 của Mã NV là VT thì Phòng ban được hiểu là Văn Thư
  - Còn lại là Đào tạo
- Thời gian công tác được tính bằng 2 ký tự đầu của Mã NV và định dạng kiểu số
- Hệ số lương được căn cứ vào Thời gian công tác và đối chiếu với Bảng 1.
- Tính tổng số nhân viên làm việc ở từng phòng ban và hoàn thành vào ô ? ở bảng 1
- Lọc ra danh sách các nhân viên ở phòng Đào tạo hoặc giới tính là Nữ

### BÀI THỰC HÀNH 03. BÀI TẬP TỔNG HỢP

**Bài 3.1.** Nhập và định dạng bảng tính sau:

	A	B	C	D	E	F	G	H
1	<b>BẢNG KÊ BÁN GA CHO ĐẠI LÝ X</b>							
2	Ngày bán	Mã gas	Tên gas	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tặng phẩm	
3	25/07/2018	12BT		50				
4	25/07/2018	45BT		220				
5	27/07/2018	45BT		14				
6	27/07/2018	45VN		30				
7	30/07/2018	45VN		40				
8	30/07/2018	45BT		210				
9	30/07/2018	12BT		150				
10								
11	<b>BẢNG 1</b>				<b>BẢNG THỐNG KÊ THEO LOẠI GAS</b>			
12	Mã gas	12B	45B	45V		Tên gas	Tổng số lượng	Tổng tiền
13	Tên gas	Betro 12K	Betro 45K	VN 45K		Betro 12K		
14	Đơn giá (đ)	320.000	700.000	600.000		Betro 45K		
15						VN 45K		

- Lập công thức điền dữ liệu cho các cột trống còn lại, với các yêu cầu sau:

1. Cột Tên gas dựa vào 3 ký tự đầu của cột Mã gas và Bảng 1
2. Cột Đơn giá dựa vào 3 ký tự đầu của cột Mã gas và Bảng 1
3. Cột Thành tiền = Số lượng \* Đơn giá, nhưng nếu Số lượng nhiều hơn 200 hoặc mua trong ngày 27/7/2018 thì được giảm 20%.
4. Tặng phẩm: Nếu 2 ký tự cuối của Mã gas là “VN” thì tặng Áo; Nếu 2 ký tự cuối của Mã gas là “BT” và Số lượng lớn hơn 200 thì tặng Bình Thủy. Các trường hợp còn lại tặng Lịch.
5. Hoàn thành bảng thống kê theo loại gas.
6. Rút trích Tên gas là Betro 45K và có Số lượng bán  $\geq 200$  ra 1 danh sách riêng.
7. Đổi tên Sheet là Thongke\_Gas.

**Bài 3.2.** Nhập và định dạng bảng tính sau:

	A	B	C	D	E	F	G
1	<b>BÁO CÁO DOANH THU CÁC HÃNG XE TAXI</b>						
2	STT	Tài xế	Mã hãng taxi	Tên hãng taxi	Số km	Thành tiền	
3	1	Thái Phiên	ML		5,5		
4	2	Nguyễn Văn Dũng	VS		20		
5	3	Hồ Thanh Hiếu	QT		4		
6	4	Lê Khanh Trung	VS		3,25		
7	5	Trần Hùng Thu	ML		10		
8	6	Đỗ Hậu Vĩnh	QT		3,2		
9	7	Ngô Tuấn	VS		12		
10							
11	<b>BẢNG 1</b>				<b>BẢNG THỐNG KÊ</b>		
12	Mã hãng	Tên hãng taxi	Đơn giá (đ/km)		Mã hãng	Tên hãng taxi	Tổng thu
13	ML	Mai Linh Taxi	11.000		ML		
14	QT	Quốc tế Taxi	10.500		QT		
15	VS	VinaSun Taxi	10.000		VS		
16							
17			Tên hãng taxi có tổng thu cao nhất:				
18			Tên hãng taxi có tổng thu thấp nhất:				

- Lập công thức điền dữ liệu cho các cột trống còn lại, với các yêu cầu sau:

- Viết các hàm để điền dữ liệu vào cột Tên xe, Thành tiền. Trong đó mỗi loại xe có giá 1 km đầu tiên cho trong Bảng 1, nếu hơn 10 km thì từ km thứ 10 trở đi giảm 15%.
- Xây dựng hàm hoàn thành Bảng thống kê.
- Hiện thị Tên hãng taxi có tổng thu cao nhất.
- Hiện thị Tên hãng taxi có tổng thu thấp nhất.
- Trích các hàng có tên xe là Mai Linh Taxi thành 1 bảng riêng.
- Vẽ đồ thị minh họa để so sánh tổng thu của 3 hãng taxi.
- Đổi tên Sheet là DoanhThuTaxi.

**Bài 3.3.** Nhập và định dạng bảng tính sau:

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L
1	<b>BẢNG THANH TOÁN TIỀN ĐIỆN</b>											
2	STT điện kế	Họ tên chủ hộ		Mã hộ	Số cũ	Số mới	Số trong ĐM	Số ngoài ĐM	Tiền trong ĐM	Tiền ngoài ĐM	Thành tiền	
3	ĐK 01	Nguyễn Văn	Thành	NN-A	44	285						
4	ĐK 02	Lê Thị	Dung	NN-B	97	254						
5	ĐK 03	Trần Văn	Đang	CB-C	28	202						
6	ĐK 04	Phan Đình	Phùng	CB-B	67	202						
7	ĐK 05	Hồ Thị	Cần	CB-A	50	231						
8	ĐK 06	Lưu Văn	Lang	ND-D	59	300						
9	ĐK 07	Cao Nguyệt	Quế	ND-C	10	283						
10	ĐK 08	Dương Minh	Châu	ND-A	51	291						
11	ĐK 09	Đào Cẩm	Tú	KD-D	25	291						
12	ĐK 10	Ngô Công	Bằng	KD-C	98	249						
13	ĐK 11	Lê Phương	Nam	KD-A	12	279						
14	ĐK 12	Trần Hà	Trung	SX-A	60	212						
15												
16	<b>BẢNG ĐỊNH MỨC (Kwh)</b>						<b>BẢNG ĐƠN GIÁ ĐIỆN ĐỊNH MỨC (đ)</b>					
17		NN	CB	ND	KD	SX		A	B	C	D	
18	A	150	100	80	80	120		NN	1.250	1.200	1.175	1.150
19	B	160	120	120	90	140		CB	1.350	1.300	1.275	1.250
20	C	180	150	150	100	180		ND	1.450	1.400	1.375	1.350
21	D	200	175	175	120	220		KD	1.650	1.600	1.575	1.550
22								SX	2.250	2.050	2.020	2.000

*Chú ý:* Cột Mã hộ: 2 ký tự đầu chỉ loại hộ, ký tự cuối chỉ khu vực.

- Lập công thức điền dữ liệu cho các cột trống còn lại, với các yêu cầu sau:

1. Số trong định mức (ĐM) được dựa vào Bảng Định mức (Kwh) và giá trị ở cột chỉ số mới, chỉ số cũ.
2. Số ngoài ĐM = Định mức – Số trong ĐM nếu Định mức tiêu thụ > số trong định mức.
3. Tiền trong ĐM = Số trong ĐM \* Đơn giá ĐM, trong đó Đơn giá ĐM tra cứu trong Bảng đơn giá điện định mức.
4. Tiền ngoài ĐM = Số ngoài ĐM \* 1,5 \* Đơn Giá ĐM.
5. Thành tiền = Tiền trong ĐM + Tiền ngoài ĐM.
6. Lọc ra danh sách các hộ có số điện tiêu thụ vượt ngoài định mức cho phép.

## BÀI THỰC HÀNH 04. BÀI THỰC HÀNH TỔNG HỢP

**Bài 4.1.** Nhập và định dạng bảng tính sau:

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L
1	BẢNG TÍNH CƯỚC PHÍ CHUYỂN CHỖ THÁNG 8 - 2020											
2	STT	MÃ CHUYỂN	SỐ LƯỢNG	LỘ TRÌNH	SỐ LƯỢNG QUY ĐỊNH	CƯỚC PHÍ	NGÀY ĐI	NGÀY ĐẾN	THỜI GIAN THỰC HIỆN	THƯỞNG	ĐƠN GIÁ	THỜI GIAN QUY ĐỊNH
3	01	NT-QN-07			10		8/12/2020	8/17/2020				
4	02	NT-SG-03			5		8/12/2020	8/19/2020				
5	03	NT-QN-12			10		8/24/2020	8/30/2020				
6	04	NT-SG-05			5		8/15/2020	8/19/2020				
7	05	NT-PY-10			4		8/22/2020	8/22/2020				
8	06	NT-DL-08			6		8/15/2020	8/18/2020				
9	07	NT-DL-04			6		8/23/2020	8/27/2020				
10												
11	BẢNG 1						BẢNG THỐNG KÊ					
12	MÃ TỈNH	TÊN TỈNH	ĐƠN GIÁ	THỜI GIAN QUY ĐỊNH			TUYỂN	TỔNG CƯỚC PHÍ				
13	PY	Phú Yên	250.000	2,5			Phú Yên					
14	DL	Đà Lạt	320.000	3,5			Đà Lạt					
15	QN	Quảng Nam	550.000	5,5			Quảng Nam					
16	SG	Sài Gòn	380.000	4,0			Sài Gòn					

**Yêu cầu:**

Câu hỏi 1. Số lượng căn cứ vào 2 ký tự cuối của Mã chuyển và định dạng kiểu số (number)

Câu hỏi 2. Lộ trình căn cứ vào ký tự thứ 4 và 5 của Mã chuyển và đối chiếu với Bảng 1

Câu hỏi 3.

- Đơn giá căn cứ vào Lộ trình và đối chiếu với Bảng 1
- Cước phí = Số lượng \* Đơn giá. Nếu số lượng <= Số lượng quy định thì Cước phí không đổi. Còn lại tính thêm 10% của cước phí

Câu hỏi 4. Thời gian thực hiện = Ngày đến - Ngày đi. Nếu Ngày đến = Ngày đi thì Thời gian thực hiện được tính là 1 ngày

Câu hỏi 5.

- Thời gian quy định căn cứ vào lộ trình và đối chiếu với Bảng 1
- Nếu Thời gian quy định > Thời gian thực hiện thì Thưởng được tính bằng số ngày thừa \* 10% Cước phí. Còn lại thì bằng 0

*Số ngày thừa được tính bằng công thức: (Thời gian quy định – Thời gian thực hiện)*

Câu hỏi 6. Tính tổng cước phí của các Tuyển và điền vào Bảng thống kê

Câu hỏi 7. Sắp xếp bảng tính tăng dần theo Lộ trình. Nếu có cùng Lộ trình thì sắp xếp bảng tính giảm dần theo Số lượng.

**Bài 4.2.** Nhập và định dạng bảng tính sau:



	A	B	C	D	E	F	G	H
1	<b>BÁO CÁO TỔNG HỢP CƯỚC PHÍ BƯU ĐIỆN</b>							
2	<b>STT</b>	<b>MÃ BƯU KIỆN</b>	<b>NƠI ĐẾN</b>	<b>PHƯƠNG TIỆN</b>	<b>HÌNH THỨC</b>	<b>TRỌNG LƯỢNG</b>	<b>GIÁ CƯỚC</b>	<b>THÀNH TIỀN</b>
3	01	01USN				500		
4	02	01USE				200		
5	03	02AJE				50		
6	04	01SIE				250		
7	05	02USE				150		
8	06	01SIN				800		
9	07	02AUN				250		
10	08	01AJE				600		
11								
12	<b>BẢNG 1</b>					<b>BẢNG 2</b>		
13	<b>MÃ NƯỚC</b>	<b>TÊN NƯỚC</b>	<b>MÁY BAY</b>	<b>TÀU THỦY</b>		<b>MÃ PHƯƠNG TIỆN</b>	1	2
14	US	Mỹ	1.900	1.800		<b>TÊN PHƯƠNG TIỆN</b>	Máy bay	Tàu Thủy
15	AU	Úc	1.700	1.500		Tổng cước phí <b>CHUYỂN NHANH</b> đi <b>MỸ</b>		
16	SI	Singapore	1.400	1.200				?

**Yêu cầu:**

Câu hỏi 1. Nơi đến căn cứ vào ký tự 3,4 của Mã bưu kiện và đối chiếu với Bảng 1

Câu hỏi 2. Phương tiện căn cứ vào 2 ký tự đầu của Mã bưu kiện (định dạng number) và đối chiếu với Bảng 2

Câu hỏi 3. Nếu ký tự cuối của Mã bưu kiện là "E" thì hình thức là "Chuyển nhanh". Còn "N" được hiểu là "Chuyển thường"

Câu hỏi 4. Giá cước căn cứ vào nơi đến, phương tiện và đối chiếu với Bảng 1

Câu hỏi 5. Thành tiền = Trọng lượng \* Giá cước. Trong đó, giảm 10% cho các bưu kiện có trọng lượng >300, còn lại không giảm

Câu hỏi 6. Sắp xếp bảng tính tăng dần theo Nơi đến. Nếu có cùng nơi đến thì sắp xếp giảm dần theo trọng lượng

Câu hỏi 7. Tính tổng cước phí các bưu kiện có Nơi đến là Mỹ và Hình thức là chuyển nhanh và điền vào dấu hỏi (?)

Câu hỏi 8. Lọc ra danh sách các Gói bưu kiện chuyển đi Mỹ và bằng phương tiện Máy bay.

**Bài 4.3.** Nhập và định dạng bảng tính sau:

	A	B	C	D	E
1	<b>CÔNG TY NHẬP KHẨU Ô TÔ ANZI</b>				
2	<b>MÃ HÀNG</b>	<b>HÃNG XE</b>	<b>NƯỚC LẮP RÁP</b>	<b>GIÁ XUẤT XƯỞNG</b>	<b>THUẾ</b>
3	TOZAVN				
4	FOLAVN				
5	TOCONB				
6	MIJOVN				
7	TOCAVN				
8	FOLANB				
9	MIPAVN				
10	FOESVN				
11	MIJONB				
12					
13	<b>BẢNG 1</b>				
14	<b>MÃ HIỆU</b>	<b>TO</b>	<b>FO</b>	<b>MI</b>	
15	<b>HÃNG XE</b>	Toyota	Ford	Mitsubishi	
16	<b>TỔNG THUẾ</b>	?	?	?	
17					
18	<b>BẢNG 2</b>				
19	<b>HÃNG XE</b>	<b>LẮP RÁP TẠI VIỆT NAM</b>	<b>LẮP RÁP TẠI NHẬT</b>		
20	Toyota	20.500	21.800		
21	Ford	34.000	36.200		
22	Mitsubishi	21.600	24.000		

**Yêu cầu:**

Câu hỏi 1. Nước lắp ráp căn cứ vào 2 ký tự cuối của Mã hàng. Nếu là "VN" thì Nước lắp ráp được hiểu là "Việt Nam". Còn lại là "Nhật Bản"

Câu hỏi 2. Hãng xe căn cứ vào 2 ký tự đầu của Mã hàng và đối chiếu với Bảng 1

Câu hỏi 3. Giá xuất xưởng căn cứ vào Hãng xe, Nước lắp ráp và đối chiếu với Bảng 2

Câu hỏi 4. Nếu những hãng xe được lắp ráp ở Việt Nam thì Thuế được tính 10% của Giá xuất xưởng. Còn lại là 5% của Giá xuất xưởng

Câu hỏi 5. Tính tổng thuế của các hãng xe và hoàn thành Bảng 1

Câu hỏi 6. Vẽ đồ thị % cho Tổng thuế của các Hãng xe trong Bảng 1

Câu hỏi 7. Sắp xếp bảng tính tăng dần theo Hãng xe. Nếu có cùng Hãng xe thì sắp xếp giảm dần theo Thuế

Câu hỏi 8. Lọc ra danh sách các Hãng xe là Toyota hoặc Nước lắp ráp là Nhật Bản

**Bài 4.4.** Nhập và định dạng bảng tính sau:

	A	B	C	D	E	F	G	H
1	<b>BẢNG THEO DÕI BÁN HÀNG</b>							
2	<b>NGÀY BÁN</b>	<b>MÃ HÀNG</b>	<b>TÊN HÃNG</b>	<b>TỐC ĐỘ</b>	<b>SỐ LƯỢNG</b>	<b>ĐƠN GIÁ</b>	<b>THÀNH TIỀN</b>	<b>GHI CHÚ</b>
3	03/08/2020	PH40X			5			
4	03/08/2020	SA52X			12			
5	18/08/2020	PH56X			8			
6	25/08/2020	AS52X			7			
7	15/08/2020	AS40X			3			
8	04/08/2020	AS56X			6			
9	28/08/2020	SA52X			14			
10	22/08/2020	PH60X			9			
11								
12	<b>BẢNG 1</b>			<b>BẢNG GIÁ</b>				
13	<b>2 KÝ TỰ ĐẦU</b>	<b>TÊN HÃNG</b>		<b>TỐC ĐỘ</b>	<b>SỐ LƯỢNG &lt;= 10</b>	<b>SỐ LƯỢNG &gt;10</b>		
14	PH	Philips		40	19	17,5		
15	SA	SamSung		52	28	26		
16	AS	Asus		56	34	32,5		
17				60	38	36		
18	<b>BẢNG THỐNG KÊ</b>							
19	<b>HÃNG</b>	<b>Tổng số lượng</b>						
20	Philips	?						
21	SamSung	?						
22	Asus	?						

**Yêu cầu:**

Câu hỏi 1. Tên hãng căn cứ vào 2 ký tự đầu của Mã hàng và đối chiếu với Bảng 1

Câu hỏi 2. Tốc độ căn cứ vào 2 ký tự thứ 3 và 4 của Mã hàng và định dạng kiểu số (number)

Câu hỏi 3. Đơn giá căn cứ vào tốc độ, số lượng và đối chiếu với Bảng giá

Câu hỏi 4. Thành tiền = Số lượng \* Đơn giá \* Tỷ giá. Với tỷ giá là 21500 vnd

Câu hỏi 5. Ghi chú là "Giảm giá" cho những Hãng là Asus và có số lượng >5. Ngược lại thì bỏ trống

Câu hỏi 6. Tính tổng số lượng của các Hãng khác nhau và hoàn thành Bảng thống kê

Câu hỏi 7. Sắp xếp bảng tính tăng dần theo Tên hãng. Nếu có cùng tên hãng thì sắp xếp giảm dần theo Ngày bán

Câu hỏi 8. Lọc ra danh sách các Tên hãng là Phillips và có số lượng > 6

**Bài 4.5.** Nhập và định dạng bảng tính sau:

	A	B	C	D	E	F
1	<b>BẢNG CHI TIẾT NHẬP XUẤT</b>					
2	<b>MÃ HÀNG</b>	<b>NGÀY NHẬP</b>	<b>SỐ LƯỢNG</b>	<b>NHÀ CUNG CẤP</b>	<b>ĐƠN GIÁ</b>	<b>THUẾ</b>
3	C-PV-01	18/09/2020	200			
4	R-BS-02	23/09/2020	201			
5	R-KS-01	14/09/2020	300			
6	M-BS-01	25/09/2020	120			
7	C-KS-02	11/09/2020	210			
8	M-PV-02	12/09/2020	198			
9				<b>NGÀY XUẤT</b>	<b>25/09/2020</b>	
10	<b>PHỤ LỤC</b>					
11	<b>KÝ TỰ ĐẦU</b>	<b>ĐƠN GIÁ NHẬP</b>	<b>TỔNG THUẾ</b>			
12	M	8.000				
13	R	6.000				
14	C	15.000				

**Yêu cầu:**

Câu hỏi 1. Nếu 2 ký tự 3 và 4 của Mã hàng là "PV" thì "Nhà cung cấp" được hiểu là "Phong Vũ";

Nếu 2 ký tự 3 và 4 của Mã hàng là "KS" thì "Nhà cung cấp" được hiểu là "Kim Sơn". Còn lại là "Ba Sao"

Câu hỏi 2. Đơn giá căn cứ vào ký tự đầu của Mã hàng và đối chiếu với Bảng 1. Giảm giá 2% cho những mặt hàng có số lượng >200. Còn lại không giảm.

Câu hỏi 3. Thuế được tính là  $10\% \times \text{Đơn giá}$  nếu những mặt hàng được xuất trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhập. Còn lại là  $5\% \times \text{Đơn giá}$

Câu hỏi 4. Tính tổng thuế của các Mã hàng (M, R, C) và điền vào Bảng 1

Câu hỏi 5. Vẽ đồ thị hình cột (Cluster Column) cho tổng thuế các Mã hàng ở Bảng 1

Câu hỏi 6. Sắp xếp bảng tính tăng dần theo Nhà cung cấp. Nếu có cùng Nhà cung cấp thì sắp xếp giảm dần theo Ngày nhập

Câu hỏi 7. Lọc ra danh sách các nhà cung cấp là Ba Sao hoặc ngày nhập trước 15/09/2020